TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Nhiều.
Ông Nguyễn Văn Tư.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thúy H - Sinh năm 1995 - Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện Đ, tỉnh L. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Minh H1 - Sinh năm 1993 - Địa chỉ: Ấp V, xã M1, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 27-7-2002, ngày 07-02-2023, đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ngày 07-02-2023, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là bà Trần Thúy H trình bày: bà H và ông Võ Minh H1 tổ chức lễ cưới tháng 01 năm 2021 nhưng không đăng ký kết hôn. Chung sống như vợ chồng đến tháng 02 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H1 thường xuyên uống rượu và có hành vi ngược đãi bà H nên bà H về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 02 năm 2021. Sau đó ông H1 đã kết hôn với người khác. Về hôn nhân: bà H yêu cầu ly hôn với ông H1. Về con chung: có 01 con chung tên Trần Bích T (sinh ngày 09-11-2021), hiện đang do bà H nuôi dưỡng. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu

ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: có 14 chỉ vàng 24 kara và 0,47 chỉ vàng 18 kara. Toàn bộ số vàng do ông H1 giữ. Trước khi Tòa án hòa giải, bà H nhầm tưởng bà Nguyễn Thị Hồng giữ vàng nên có ghi bà Hồng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Nhưng sau khi biết ông H1 là người giữ toàn bộ số vàng thì bà H không tiếp tục yêu cầu bà Hồng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Bà H yêu cầu chia đôi 14 chỉ vàng 24 kara và 0,47 chỉ vàng 18 kara. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07-3-2023 và các văn bản tiếp theo, bị đơn là ông Võ Minh H1 trình bày: ông H1 và bà H chung sống không có đăng ký kết hôn nên bà H yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Về con chung: có 01 con chung tên Trần Bích T (sinh ngày 09-11-2021). Ông H1 đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 900.000 đồng/tháng cho đến khi Trần Bích T đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: toàn bộ số vàng ông H1 đang giữ, không liên quan đến bà Nguyễn Thị Hồng. Ông H1 đồng ý giao lại cho bà H 07 chỉ vàng 24 kara. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Bà H giữ nguyên yêu cầu ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu gì đối với bà Hồng về số vàng. Bà H chỉ yêu cầu ông H1 chia đôi và giao lại cho bà H 07 chỉ vàng 24 kara, không yêu cầu gì đối với bà Hồng, không tiếp tục yêu cầu đối với 0,47 chỉ vàng 18 kara.

- Ông H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Trần Thúy H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Võ Minh H1. Ông H1 cư trú tại huyện Đ, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Ông H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án. Bà H và ông H1 đều cho rằng việc tranh chấp không liên quan đến bà Nguyễn Thị Hồng. Bà Nguyễn Thị Hồng cũng có văn bản trình bày không liên quan đến nội dung vụ án. Vì vậy Tòa án không tiếp tục triệu tập bà Nguyễn Thị Hồng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3]. Tại phiên tòa, bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về 0,47 chỉ vàng 18 kara là quyền tự định đoạt của bà H, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của bà H: bà H và ông H1 đều xác định có tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 01 đến tháng 02 năm 2021 nhưng không đăng ký kết hôn. Bà H, ông H1 không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều Luật Hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng giữa bà H và ông H1. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông H1.

[5]. Về con chung: bà H và ông H1 đều xác định có 01 con chung tên Trần Bích T (sinh ngày 09-11-2021), hiện đang do bà H nuôi dưỡng. Con chung dưới 36 tháng tuổi nên giao cho bà H nuôi là phù hợp quy định pháp luật. Ông H1 không nuôi con nên phải cấp dưỡng nuôi con chung. Mức bà H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 900.000 đồng /tháng là phù hợp nên buộc ông H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[6]. Về tài sản chung: Bà H và ông H1 đều khai thống nhất có 14 chỉ vàng 24 kara hiện do ông H1 đang giữ. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 07-02-2023, ông H1 cũng đồng ý giao lại cho bà H 07 chỉ vàng 24 kara nên Hội đồng xét xử buộc ông H1 phải chia và giao lại cho bà H 07 chỉ vàng 24 kara là phù hợp theo quy định tại Điều 219 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[7]. Về nợ chung: bà H và ông H1 đều cho rằng không có, không yêu cầu giải quyết.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí và 1.919.785 đồng án phí đối với giá trị tài sản được nhận (cách tính: giá vàng 24kara cập nhật lúc 07 giờ 30 phút ngày 22-3-2023 là 5.485.100 đồng/chỉ x 7 chỉ = 38.395.700 đồng x 5%); Ông H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần cấp dưỡng nuôi con chung và 1.919.785 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần phân chia tài sản chung (5.485.100 đồng/chỉ vàng x 7 chỉ = 38.395.700 đồng x 5%) là đúng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 219 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy H.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy H về việc yêu cầu chia 0,47 chỉ vàng 18 kara.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thúy H với ông Võ Minh H1.

- Về nuôi con chung: Bà Trần Thúy H được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trần Bích T (sinh ngày 09-11-2021). Hiện con chung đang sống với bà H.

Buộc ông Võ Minh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung 900.000 đồng/tháng (chín trăm nghìn đồng mỗi tháng) từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Trần Bích T đủ 18 tuổi.

Ông H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà H và ông H1 được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thúy H và ông Võ Minh H1 mỗi người được chia 07 chỉ vàng 24 kara. Buộc ông Võ Minh H1 phải giao cho bà H 07 (bảy) chỉ vàng 24 kara để bà H được trọn quyền sở hữu. Số vàng này hiện ông H1 đang quản lý. Ông H1 được trọn quyền sở hữu 07 (bảy) chỉ vàng 24 kara - hiện ông H1 đang quản lý.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thúy H phải chịu tổng cộng 2.219.785 đồng (hai triệu, hai trăm mười chín nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 2.170.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo 02 biên lai thu số 0005476 và 0005477 cùng ngày 21-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà H còn phải nộp tiếp 49.785 đồng (bốn mươi chín nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Võ Minh H1 phải chịu tổng cộng 2.219.785 đồng (hai triệu, hai trăm mười chín nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.